

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 128 /2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 14/9/2023.

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thanh Phương

2. Ông Trần Văn Điệp

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Đình Linh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2023/TLST-HNGĐ ngày 6 tháng 6 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2023/QĐST-HNGĐ ngày 8 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 278/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1981.

HKTT: Tổ 14, ấp 2, xã Long T, huyện Nhơn T1, Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ 14, ấp 2, xã Long T, huyện Nhơn T1, Đồng Nai.

(Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 5 năm 2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày:

Chị và anh L xây dựng gia đình với nhau vào năm 2002 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long T, huyện Nhơn T1, tỉnh Đồng Nai vào ngày 17/7/2002.

Trong quá trình sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, không còn tôn trọng nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng.

Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải đoàn tụ được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 25/02/2002 và Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 11/11/2007. Chị D có nguyện vọng giao cháu Q cho anh L nuôi dưỡng, chị L cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, còn cháu N đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- **Bị đơn anh Nguyễn Văn L:** Đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập làm việc, thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

- **Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch:**

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ và tham gia tố tụng được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh L là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, không hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ pháp luật. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 25/02/2002 và Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 11/11/2007. Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị D ly hôn anh L, về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 11/11/2007 cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/cháu, còn cháu Nguyễn Thị Bích N đã trưởng thành. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập làm việc, thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long T, huyện Nhơn T1, tỉnh Đồng Nai vào năm 2002, trên cơ sở tự nguyện nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, chị D và anh L phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, không thể hàn gắn đoàn tụ. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn giữa chị D và anh L địa phương không nắm được. Xét thấy giữa chị D và anh L không còn tình nghĩa vợ chồng, không thể hàn gắn, đoàn tụ được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị D yêu cầu được ly hôn với anh L là có căn cứ chấp nhận, cho ly hôn giữa chị D và anh L.

[3] Về con chung: Chị D và anh L có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 25/02/2002 và Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 11/11/2007, trong bản tự khai cháu Q có nguyện vọng được sống với cha nên giao cháu Q cho anh L nuôi dưỡng và chăm sóc là có cơ sở, cháu Nguyễn Thị Bích N đã trưởng thành không xem xét giải quyết. Tại đơn khởi kiện và lời khai trong hồ sơ thể hiện chị D có nguyện vọng giao cháu Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 11/11/2007 cho anh L nuôi dưỡng, chị D cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000đồng/tháng, còn cháu Nguyễn Thị Bích N đã trưởng thành.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Chị D khai không có và theo kết quả xác minh tại địa phương thì trong thời kỳ hôn nhân của chị D và anh L, không có ai tranh chấp với anh L và chị D về nghĩa vụ tài sản nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị D về việc “Ly hôn” đối với anh Nguyễn Văn L, cho ly hôn giữa chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 11/11/2007 cho anh L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị D cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng, còn cháu Nguyễn Thị Bích N đã trưởng thành. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày anh L có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị D chưa thanh toán số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả (đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con) tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Chị D được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét

Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0008924 ngày 31/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, chị D còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Lê Thị D, anh Nguyễn Văn L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Nhơn T1;
- Chi cục THADS huyện Nhơn T1;
- UBND xã;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Xuân Mai

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ánh Sáng

Lưu Đức Chung

Trần Thị Thanh Hoa